**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040**

**(NQ /số 21/2017/NQ-HĐND ngày 18-7-2017)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;

Qua xem xét Tờ trình số 1186 /TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040 với các nội dung chính sau:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình nhằm bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý các giá trị đa dạng sinh học; duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái, môi trường, cảnh quan đa dạng sinh học góp phần xóa đói, giảm nghèo; bảo tồn đa dạng sinh học nhằm thích ứng và giảm nhẹ các tác động của biến đổi khí hậu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao chất lượng rừng tại các khu vực hệ sinh thái tự nhiên đã được khoanh vùng bảo vệ, tiến tới nâng tỷ lệ che phủ rừng lên mức 69-70% vào năm 2020.

- Phân vùng bảo tồn; bảo tồn được loài và nguồn gen động, thực vật quý hiếm; bảo vệ môi trường và nét đẹp độc đáo của tự nhiên. Trong đó, hoàn thiện quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn và hành lang đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh, bao gồm: 04 khu bảo tồn thiên nhiên với diện tích khoảng 182.126 ha; 02 khu bảo vệ cảnh quan với diện tích khoảng 8.136 ha; 01 khu bảo vệ cảnh quan đất ngập nước với diện tích khoảng 200 ha; 01 hành lang đa dạng sinh học Khe Nét - Vũ Quang (chỉ quy hoạch phần ranh giới trên địa bàn tỉnh Quảng Bình) với diện tích khoảng 30.000 ha.

- Kiểm soát chặt chẽ, giảm tối đa nạn buôn bán và tiêu thụ các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Sử dụng hợp lý các giá trị đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển dịch vụ hệ sinh thái có sự tham gia của cộng đồng địa phương, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia, từng bước nâng cao đời sống của người dân trong các khu vực bảo tồn.

2. Định hướng quy hoạch đến năm 2040

- Tiếp tục bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên đã có và hệ sinh thái núi đá vôi đặc trưng đang bị tác động.

- Tiếp tục thành lập và đưa vào hoạt động các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, khu bảo vệ cảnh quan và hành lang đa dạng sinh học được đề xuất.

- Đến năm 2040, hạn chế tối đa về suy giảm đa dạng sinh học; bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên; quản lý, kiểm soát chặt chẽ, ngăn ngừa sự lây lan và diệt trừ, giảm thiểu tác hại của các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; xây dựng và thực hiện chiến lược phòng trừ các sự cố do sinh vật ngoại lai xâm hại gây ra.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học, đặc biệt là cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh các khu bảo tồn.

- Kết hợp giữa bảo tồn với phát triển du lịch sinh thái gắn với sinh kế của người dân vùng đệm, nâng cao đời sống cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Nội dung quy hoạch

3.1. Quy hoạch bảo vệ hành lang đa dạng sinh học

Giữa khu vực Rừng phòng hộ đầu nguồn Khe Nét và Vườn Quốc gia Vũ Quang xây dựng 01 Hành lang đa dạng sinh học Khe Nét - Vũ Quang trên địa bàn các xã Hòa Hải, Hương Bình, Hương Long, Hương Vinh, Hương Xuân, Hương Lâm, Hương Liên thuộc huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh và các xã Thanh Hóa, Hương Hóa thuộc huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (diện tích khoảng 88.786 ha). Trong đó, chỉ quy hoạch phần ranh giới trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (các xã Thanh Hóa, Hương Hóa thuộc huyện Tuyên Hóa) với diện tích khoảng 30.000 ha.

3.2. Quy hoạch các khu bảo tồn thiên nhiên

Bao gồm 04 khu vực: (1) Khu bảo tồn thiên nhiên dãy núi Giăng Màn; (2) Khu bảo tồn thiên nhiên Khe Nét; (3) Khu bảo tồn thiên nhiên Động Châu - Nước Trong; (4) Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

- Khu Bảo tồn thiên nhiên dãy núi Giăng Màn trên địa bàn các xã Hóa Sơn, Dân Hóa thuộc huyện Minh Hóa và xã Lâm Hóa thuộc huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; các xã Hương Lâm, Hương Vĩnh thuộc huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Tọa độ trong khoảng từ 17o39’ đến 18o06’ vĩ độ Bắc và từ 105o33’ đến 105o47’ kinh độ Đông (diện tích khoảng 20.000 ha). Trong đó, chỉ quy hoạch phần ranh giới trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (các xã Hóa Sơn, Dân Hóa thuộc huyện Minh Hóa và xã Lâm Hóa thuộc huyện Tuyên Hóa) với diện tích khoảng 10.000 ha.

- Khu Bảo tồn thiên nhiên Khe Nét trên địa bàn các xã Thanh Hóa, Hương Hóa, Kim Hóa, Thuận Hóa, Đồng Hóa và Thạch Hóa thuộc huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Tọa độ trong khoảng từ 17o56’ đến 18o05’ vĩ độ Bắc và từ 105o51’ đến 106o04’ kinh độ Đông (diện tích khoảng 26.800 ha).

- Khu Bảo tồn thiên nhiên Động Châu - Nước Trong trên địa bàn các xã Ngân Thủy, Kim Thủy thuộc huyện Lệ Thủy và xã Trường Sơn thuộc huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Tọa độ trong khoảng từ 16o57’ đến 17o00’ vĩ độ Bắc và từ 105o33’ đến 105o47’ kinh độ Đông (diện tích khoảng 19.000 ha).

- Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng trên địa bàn các xã Dân Hóa, Hóa Sơn, Trung Hóa, Thượng Hóa thuộc huyện Minh Hóa; các xã Tân Trạch, Thượng Trạch, Xuân Trạch, Phúc Trạch, Sơn Trạch, Phú Định, Hưng Trạch thuộc huyện Bố Trạch và xã Trường Sơn thuộc huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Tọa độ từ 17o21 đến 17o39 vĩ độ Bắc và từ 105o57 đến 106o24 kinh độ Đông (diện tích khoảng 126.326 ha).

3.3. Quy hoạch các khu bảo vệ cảnh quan

Bao gồm 02 khu vực: (1) Khu bảo vệ cảnh quan Núi Thần Đinh (Chùa Non); (2) Khu bảo vệ cảnh quan Vũng Chùa - Đảo Yến

- Khu bảo vệ cảnh quan Núi Thần Đinh (Chùa Non) thuộc thôn Rào Đá, xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Tọa độ từ 17o17’46’’ đến 17o17’50’’ vĩ độ Bắc và từ 106o36’36’’ đến 106o36’56’’ kinh độ Đông (diện tích khoảng 136 ha).

- Khu bảo vệ cảnh quan Vũng Chùa - Đảo Yến thuộc khu vực ven biển xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Bao gồm khu vực ven biển ra đến đảo Yến (hòn Vũng Chùa). Tọa độ trong khoảng từ 17o54’ đến 17o55’ vĩ độ Bắc và từ 106o28’đến 106o30’ kinh độ Đông (diện tích khoảng 8.000 ha).

3.4. Quy hoạch bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên trên các vùng đất ngập nước tự nhiên, vùng núi đá vôi, vùng đất chưa sử dụng không thuộc hệ sinh thái rừng

Khu bảo vệ cảnh quan Đất ngập nước Bàu Sen trên địa bàn các xã Sen Thủy, Ngư Thủy Nam thuộc huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Tọa độ trong khoảng từ 17o10’ đến 17o11’ vĩ độ Bắc và từ 106o27’ đến 106o46’ kinh độ Đông (diện tích khoảng 200 ha).

3.5. Quy hoạch bảo tồn chuyển chỗ

Quy hoạch các Nhà bảo tàng thiên nhiên, Vườn sưu tập cây thuốc và Ngân hàng Gen: Ngoài việc tận dụng cơ sở các trạm y tế làm nơi trồng, sưu tập cây thuốc, Vườn thực vật tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng cần được quy hoạch là nơi kết hợp cả việc xây dựng Nhà bảo tàng thiên nhiên, Vườn sưu tập cây thuốc, Ngân hàng Gen cho tỉnh Quảng Bình nói riêng và khu vực Bắc Trung Bộ nói chung.

Quy hoạch các vùng được ưu tiên kiểm soát và phòng chống các loài ngoại lai xâm hại: Giai đoạn 2018 - 2025, sẽ kiểm soát và diệt trừ các loài ngoại lai đang xâm hại nghiêm trọng ở Quảng Bình, bao gồm: Ốc bươu vàng, cây Mai dương, Bìm bôi hoa vàng và một số loài ngoại lai xâm hại khác.

4. Danh mục các chương trình, dự án đề xuất trong quá trình thực hiện quy hoạch

5. Giải pháp thực hiện quy hoạch

- Giải pháp về nguồn vốn: Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho bảo tồn đa dạng sinh học, tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước.

- Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực: Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và nâng cao khả năng quản lý trong lĩnh vực đa dạng sinh học; huy động sự tham gia của các tổ chức và nhân dân trong tỉnh.

- Giải pháp về tuyên truyền: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Luật Đa dạng sinh học và các văn bản có liên quan nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm, phát huy tính chủ động của người dân vào việc tham gia bảo vệ rừng, bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học của tỉnh; giúp cộng đồng dân cư gắn bó cuộc sống và thu nhập của mình với công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Giải pháp về cơ chế, chính sách: Rà soát, bổ sung, xây dựng chính sách và chế định cụ thể trong phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học trên cơ sở Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Bảo vệ môi trường, chiến lược phát triển bền vững của cả nước.

- Giải pháp hợp tác: Tăng cường liên kết với các tỉnh lân cận và hợp tác quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học, trong đó chú trọng việc trao đổi kinh nghiệm với các chuyên gia; nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật về đa dạng sinh học.

- Giải pháp khoa học công nghệ: Xây dựng và triển khai các giải pháp khoa học công nghệ về đa dạng sinh học; xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học của tỉnh.

- Giải pháp về tổ chức thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh phân công trách nhiệm cụ thể giữa các sở, ban, ngành; phân công trách nhiệm giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp cơ sở; tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện; báo cáo đánh giá kết quả. Trong đó, Sở Tài Nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối để thực hiện Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2017.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Đăng Quang

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**(NQ /số 23/2017/NQ-HĐND ngày 18-7-2017)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật tố cáo ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân;

Căn cứ Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Xét Tờ trình số 1089/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình như sau:

1. Mức chi các đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP mà chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề, khi làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân được bồi dưỡng 100.000 đồng/1 ngày/1 người; trường hợp đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thì được bồi dưỡng 80.000 đồng/1 ngày/1 người.

2. Mức chi cho các đối tượng được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP được bồi dưỡng 50.000 đồng/1 ngày/1 người.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 55/2012/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Đăng Quang